

Bản án số: 191/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Minh

Bà Bùi Thị Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1986; số CCCD: 034186007990; địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Lê Trung L sinh năm 1980; số CCCD: 034080002487; địa chỉ: T, xã A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 7 năm 2026 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Liên kết H1 với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình năm 2011. Cuộc sống chung đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả; hiện nay đang sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh L có 02 con chung là Lê Nguyễn Cát A sinh năm 2012 và Lê Nguyễn Gia H2 sinh năm 2014. Chị H nhận trách nhiệm nuôi con Lê

Nguyễn Cát A, để cho anh L nuôi con Lê Nguyễn Gia H2; không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Lời khai tại bản tự khai ngày 04/9/2026 bị đơn Lê Trung L trình bày: Thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị H về hôn nhân, con chung, tài sản chung. Anh L đồng ý ly hôn chị H; anh L nhận trách nhiệm nuôi con Lê Nguyễn Gia H2 để cho chị H nuôi con Lê Nguyễn Cát A; không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) thì nơi bị đơn cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Việc vắng mặt của đương sự: Các bên đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng đều có đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2.2] Việc tham gia của Viện kiểm sát: Do Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, không có đối tượng thuộc diện Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của BLTTDS nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án không có sự tham gia của Viện kiểm sát.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh L được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thái Bình năm 2011 cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 11/11/2011 nên hợp pháp. Việc các bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H anh L có con chung như trình bày ở trên là đúng. Các bên thỏa thuận chị H trực tiếp nuôi con Lê Nguyễn Cát A; anh L trực tiếp nuôi con Lê Nguyễn Gia H2 là tự nguyện, bảo đảm được lợi ích toàn diện cũng như nguyện vọng của các con nên chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 21, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và

Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Trung L.

Về nuôi con chung: Giao con Lê Nguyễn Cát A sinh ngày 14/8/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi; giao con Lê Nguyễn Gia H2 sinh ngày 01/4/2014 cho anh Lê Trung L trực tiếp nuôi. Các bên được quyền nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Trung L không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Trung L không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 985 ngày 29/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Tây Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 81/2011);
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

